TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/ HNGĐ- ST
Ngày 26/7/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hiệp

Bà Đồng Thị Mây

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990

Nơi ĐKHKT: Thôn P 2, xã K, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh H;

Bị đơn: Anh Phạm Đức H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P 2, xã K, huyện K, tỉnh H.

Chị L, anh H đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh H kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh H. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H mải chơi lô đề, cờ bạc gây thất thoát kinh tế gia đình. Gia đình đã

nhiều lần phải trả nợ thay cho anh H. Chị cũng nhắc nhở nhiều lần nhưng anh H không nghe mà vợ chồng lại xảy ra cãi cọ, xích mích nhau. Mỗi lần như vậy, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nhưng sau đó vì nhớ con, chị lại về sinh sống cùng anh H. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào tháng 4 năm 2022, anh H lại nợ nần và lấy tiền của chị đi chơi bời. Chị không tin tưởng và chịu đựng anh H được nữa nên chị đã về ngoại sinh sống từ đó cho đến nay. Thời gian chị về nhà ngoại, anh H có tìm đón chị về nhưng chị xét không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Phương G, sinh ngày 04/5/2016 và Phạm Hữu Q, sinh ngày 11/9/2018. Cháu G đang ở với chị, cháu Q ở với anh H và ông bà nội. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu G và giao cháu Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Hiện tại, chị làm Công ty T ở đội 5, K, K, H, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng, thời gian làm việc là giờ hành chính, có lúc tăng ca. Hiện chị ở nhà bố mẹ đẻ chị, có chỗ ăn ở nên có đủ điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, anh H trình bày: Anh không đồng ý ly hôn chị L. Anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dậy con cái. Quá trình vợ chồng ở với nhau, anh cũng có mải chơi khiến chị L không còn tin tưởng nhưng anh vẫn chăm lo kinh tế gia đình. Anh mong chị L cho anh cơ hội để sửa sai và làm lại, cùng xây dựng kinh tế gia đình. Thời gian đầu, chị L về nhà ngoại, khi đó kinh tế của anh rất khó khăn, nợ nần nhiều nên anh cần tiền để trang trải. Anh cũng cho mẹ vợ vay tiền làm nhà, đến khi xong nhà một năm thì mẹ mới trả, không phải anh đòi ngay nhưng chị L và gia đình chị L hiểu lầm anh nên không tha thứ cho anh. Nay anh mong muốn vợ chồng tiếp tục sống ly thân như vậy. Chị L trực tiếp nuôi hai con ở nhà ngoại, anh sẽ đi làm kiếm tiền gửi về cho chị L để chị L hiểu là anh đã thay đổi và vợ chồng có cơ hội quay về ăn ở cùng với nhau. Nếu anh không làm được việc đó, thì sau này chị L xin ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí mà không thắc mắc gì.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị L trình bày. Nếu chị L kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý giao cháu Phạm Phương G, sinh ngày 04/5/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu Q, sinh ngày 11/9/2018. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Hiện tại, anh làm Công ty, thu nhập hàng tháng là 12.000.000đồng. Anh ở cùng bố mẹ đẻ nên ông bà hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con cái.

Qua xác minh với ông T, bà H- bố mẹ đẻ anh H, ông P- trưởng thôn P 2, xã K thể hiện: Anh chị kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Đính. Quá trình sinh sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do anh H mải chơi, vay nợ bên ngoài nhiều dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ. Kể từ

tháng 4 năm 2022, chị L đã đưa cháu G về nhà ngoại sinh sống từ đó cho đến nay. Gia đình ông bà có sang động viên chị L nhưng chị L kiên quyết không về. Nay chị L kiên quyết xin ly hôn, quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh H thay đổi quan điểm về con chung, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Phạm Đức H. Về con chung: Giao con chung là Phạm Phương G, sinh ngày 04/5/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Phạm Hữu Q, sinh ngày 11/9/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Đức H có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian hòa thuận, hạnh phúc được 1 năm thì đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H mải chơi, không chăm lo kinh tế gia đình vợ con mà còn gây nợ nần nhiều. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn. Tuy vậy, anh chị vẫn sinh sống cùng nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng thêm trầm trọng. Anh H vẫn mải chơi lô đề, cờ bạc, gây nợ nần và lấy tiền của chị đi trả nợ nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Bản thân anh H thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do anh có

mải chơi và nợ nần nhiều nhưng anh vẫn chăm lo vợ con. Nay anh không còn biện pháp nào hòa giải, đoàn tụ vợ chồng nhưng anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng tiếp tục sống ly thân như vậy. Đây không phải lý do chính đáng để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh chị bỏ mặc, không chung sống, quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Phương G, sinh ngày 04/5/2016 và Phạm Hữu Q, sinh ngày 11/9/2018. Nếu vợ chồng ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi cháu G, anh H có nguyện vọng nuôi cả cháu G và cháu Q. Nguyện vọng nuôi con của hai anh chị đều chính đáng, phù hợp với trách nhiệm người làm cha, làm mẹ. Tuy vậy, Hội đồng xét xử xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Chị L, anh H đều có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập. Kể từ khi anh chị ly thân nhau đến nay, cháu G ở với chị L, cháu Q ở với anh H. Anh chị đều có đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, ăn ở, học tập cho cháu. Vì thế, việc giao cháu G cho chị L và giao cháu Q cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của cháu G. Anh chị không phải chấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị L và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Phương G, sinh ngày 04/5/2016 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; Giao con chung là Phạm Hữu Q, sinh ngày 11/9/2018 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi

con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị L, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003078 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương